

TRÀ VINH “NẮM CHẮC THỜI CƠ, HÀNH ĐỘNG QUYẾT LIỆT, SÁNG TẠO, BỨT PHÁ, PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG”

■ Nguyễn Vũ Sơn¹

Tỉnh ủy Trà Vinh vừa ban hành Kế hoạch số 150-KH/TU tổ chức thực hiện phương châm hành động năm 2020 “Nắm chắc thời cơ, hành động quyết liệt, sáng tạo, bứt phá, phát triển nhanh và bền vững”.

Nắm chắc thời cơ: Là biết rõ, hiểu kỹ, nắm chắc, kịp thời các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hệ thống giao thông, Khu kinh tế, Cảng biển, điện gió, điện năng lượng mặt trời... và có nhiều nhà đầu tư quan tâm, hiểu biết về Trà Vinh mong muốn đến Trà Vinh đầu tư; chủ động tranh thủ, tận dụng triệt để thời cơ thuận lợi để vận dụng linh hoạt, quyết đoán và hành động, huy động mọi nguồn lực phát huy tiềm năng, lợi thế xây dựng Trà Vinh phát triển nhanh và bền vững.

Hành động quyết liệt: Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương luôn sẵn sàng nhận công việc, chủ động, đổi mới, sáng tạo, xử lý công việc trong phạm vi, trách nhiệm của mình, khi gặp khó khăn, vướng mắc phải quyết tâm tìm giải pháp xử lý đến cùng hoặc chủ động báo cáo xin ý kiến cấp trên; cùng quyết chí, đồng tâm hợp lực với tinh thần quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, làm đến nơi, đến chốn.

Sáng tạo, bứt phá: Đổi mới phương pháp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ; cải tiến quy trình làm việc, nâng cao năng suất lao động; phát huy ý tưởng sáng tạo và vận dụng sáng tạo những cái mới, tiến

bộ, khoa học - công nghệ, nắm chắc cơ chế chính sách vận dụng có hiệu quả vào điều kiện của từng ngành, từng cấp, từng công việc, để sớm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu do Đại hội chi bộ, đảng bộ đề ra (hoặc do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề ra) và tạo bứt phá trong thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Phát triển nhanh và bền vững: Kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và phát triển bền vững trên tất cả các lĩnh vực, rút ngắn khoảng cách Trà Vinh với các tỉnh, thành bạn trong khu vực và cả nước. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không để tác động xấu đến môi trường và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Để thực hiện tốt phương châm hành động của năm 2020, Tỉnh ủy Trà Vinh đề ra 7 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

Một là, tập trung lãnh, chỉ đạo triển khai, học tập, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, CCVC, lực lượng vũ trang, người lao động và đoàn viên, hội viên tạo sự đồng thuận cao và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương châm hành động của Tỉnh ủy. Đồng thời tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, chỉ thị, nghị quyết chuyên đề gắn với 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định, tạo phong trào thi đua sôi nổi, mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy tiềm năng lợi thế phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững.

¹ - Đơn vị Trung tâm công nghệ thông tin TNMT

Hai là, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào Nghị quyết năm 2020 và các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể, sát với tình hình. Nắm chắc thời cơ, tận dụng triệt để thời cơ thuận lợi, tổ chức triển khai quán triệt thực hiện đảm bảo sự chung tay vào cuộc quyết liệt của toàn hệ thống chính trị, phấn đấu thực hiện đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ Đảng bộ đã đề ra.

Ba là, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách của Trung ương; rà soát, hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt cơ chế, chính sách đột phá của tỉnh; Nâng cao chất lượng quy hoạch và năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Tập trung đầu tư, khai thác phát triển vùng tổng hợp kinh tế ven biển gắn với khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh từ các công trình trọng điểm ven biển của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tập trung thực hiện tốt công tác xúc tiến, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; chú trọng phát triển những ngành công nghiệp mũi nhọn. Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp cả về số lượng và quy mô, chất lượng; tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Tập trung huy động nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng quan trọng.

Chú trọng phát triển y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Bốn là, đề cao trách nhiệm và nêu gương của người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Thực hiện nghiêm túc đúng quy định, đổi mới việc tổ chức các cuộc họp hội nghị, thông tin báo cáo, ban hành văn bản phải thiết thực, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm trong phối hợp xử lý công việc.

Năm là, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Bí thư cấp ủy, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao; nêu cao vai trò nêu gương, hành động quyết liệt hơn của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên trong việc chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính, thực thi công vụ, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Sáu là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Bảy là, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; mạnh dạn kiểm điểm, phê bình và kiên quyết xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu nắm chắc thời cơ, phát huy tốt lợi thế, tiềm năng của tỉnh, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tích cực tham gia, hành động quyết liệt, tạo bứt phá trong thực hiện Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2020 và các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, gắn với 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá của Tỉnh ủy, sớm về đích các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020; cụ thể hóa thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; phấn đấu xây dựng tỉnh Trà Vinh phát triển nhanh và bền vững.

(Nguồn: Kế hoạch số 150-KH/TU)

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

ĐỢT CAO ĐIỂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 15-CT/TU

TRƯỚC NGÀY LỄ LỚN 30/4 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

■ Huỳnh Quốc Nam ¹

Kết quả kiểm tra, giám sát Công văn số 4762/UB-ND-KGVX ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đô thị, hoạt động quảng cáo, tuyên truyền cổ động trực quan trên địa bàn tỉnh. Theo đó, từ ngày 25/4/2020 đến ngày 26/4/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức 02 cuộc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh trên địa bàn 09/09 huyện, thị xã, thành phố,

Qua kiểm tra cho thấy đa số các địa phương có duy trì các hoạt động về cảnh quan môi trường, đa số các địa phương đã cơ bản khắc phục các điểm ô nhiễm đã được nhắc nhở trước đây. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm phát sinh rác thải, chưa được khắc phục tốt như: Chợ Sâm Bua, xã Lương Hòa (huyện Châu Thành): Tiểu thương khu vực bán ăn uống phản ánh Ban quản lý chợ bố trí khu vực tập kết rác thải của Chợ gần sát bên khu vực bán ăn uống là không

Các điểm ô nhiễm khắc phục chưa tốt cần tập trung xử lý tại các địa phương



Chợ Sâm Bua: khu vực tập kết rác thải của Chợ gần khu bán ăn uống gây mất vệ sinh



Xã Hiếu Tử: chợ Lò Gò: rác thải bọc ni lông rơi vãi nhiều dưới sông



Thị trấn Trà Cú: Khu vực cặp QL54 đoạn từ Trung tâm Y tế huyện đến đầu chợ còn tồn tại nhiều rác thải chưa được thu gom, xử lý triệt để.



Xã An Quảng Hữu: Điểm tập kết rác của xã còn tồn đọng nhiều rác thải chưa được thu gom, xử lý triệt để.



Phường 2, thị xã Duyên Hải: khu vực cặp đường nhựa vào chợ Phường 2 (đối diện vựa nông sản Phát) còn tồn đọng nhiều bọc ni lông, thùng xốp,... không được thu gom, xử lý triệt để.



Phường 2, thị xã Duyên Hải: khu vực đường nhựa (cũ) vào Cảng cá Láng Chim (cách Đài cấp nước khoảng 30m) phát sinh đồng rác thải không được thu gom, xử lý triệt để.



Xã Đôn Châu: khu vực sau chợ vẫn còn tồn tại rác thải chưa được thu gom, xử lý triệt để.

1 - Đơn vị: Chi cục bảo vệ môi trường

phù hợp, gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến việc kinh doanh buôn bán; Chợ Lò Gò, xã Hiếu Tử (huyện Tiểu Cần): cống nước thải khu vực chợ cá vẫn chưa được khai thông, bọ ni lông rơi vãi nhiều dưới cống gây tắc nghẽn dòng nước, tù đọng bốc mùi hôi thối ảnh hưởng đến việc buôn bán của tiểu thương; Điểm sau chợ xã Kim Hòa (huyện Cầu Ngang) đã khắc phục khá hơn trước, tuy nhiên rác thải vẫn còn tồn đọng chưa được thu gom, xử lý triệt để; Xã An Quảng Hữu (huyện Trà Cú): Điểm tập kết rác của xã tuy có khắc phục nhưng vẫn còn tồn đọng một số rác thải là kính, chai lọ thủy tinh chưa được thu gom, xử lý; thị trấn Trà Cú: Khu vực cặp QL54 đoạn từ Trung tâm Y tế huyện đến đầu chợ đã khắc phục khá hơn trước, tuy nhiên rác thải vẫn còn tồn đọng chưa được thu gom, xử lý triệt để; Phường 2 (thị xã Duyên Hải): khu vực cặp đường nhựa vào chợ (đối diện vựa nông sản Phát) còn tồn đọng nhiều rác thải, bọ ni lông, thùng xốp,... không được thu gom, xử lý và khu vực đường nhựa (cũ) vào Cảng cá Láng Chim có khắc phục khá hơn trước, tuy nhiên điểm cách Đài cấp nước khoảng 30m phát sinh đồng rác thải không được thu gom, xử lý; Xã Đôn Châu (huyện Duyên Hải): khu vực sau chợ đã khắc phục khá hơn trước, tuy nhiên rác thải vẫn còn tồn đọng chưa được thu gom, xử lý triệt để.

Đánh giá kết quả đạt được:

Qua kết quả kiểm tra, giám sát cho thấy, công tác vệ sinh, cảnh quan môi trường trên địa bàn tỉnh thời gian gần đây đã có chuyển biến tích cực, rõ nét; nhiều nơi thực hiện chưa tốt sau khi được các Sở, ngành kiểm tra, nhắc nhở đã được địa phương quan tâm chỉ đạo xử lý, khắc phục khá tốt. Tuy nhiên vẫn còn một vài địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện, một số tuyến đường giao thông cặp 2 bên lề đường vẫn còn tình trạng rác thải rơi vãi khá phổ biến, một số nơi còn phát sinh rác chưa được thu gom, xử lý; ý thức của một bộ phận người dân còn thấp, vứt rác bừa bãi, nên hiệu quả đạt được ở một số nơi chưa cao.

* Tuy nhiên còn có nguyên nhân hạn chế và các kiến nghị:

- Công tác tuyên truyền mặc dù đã thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, chưa đi vào chiều sâu, chưa thường xuyên, chưa có sức lan tỏa. Chưa phát huy hết hiệu quả vai trò tuyên truyền, vận động của các hội, đoàn thể các cấp và chính quyền địa phương.

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU ở một vài địa phương chưa thường xuyên, liên tục, cũng như chưa kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU chưa cao.

Ý thức của một bộ phận người dân trong chấp hành quy định của pháp luật còn hạn chế.

Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị đến UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã;

- UBND tỉnh: Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã: thực hiện khắc phục những tồn tại do Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ ra tại mục I của báo cáo. Kết quả khắc phục đề nghị UBND các huyện, thị xã báo cáo về Sở TNMT trước 20/5/2020 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Địa phương, đơn vị nào chậm khắc phục, khắc phục không tốt, còn để xảy ra tình trạng ô nhiễm, tái ô nhiễm, mất mỹ quan sẽ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác lãnh chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh trên địa bàn quản lý.

- UBND các huyện, thị xã:

+ Chỉ đạo các phòng ban có liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát, khắc phục tốt các tồn tại nêu trên.

+ Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn nơi có điểm phát sinh ô nhiễm khẩn trương khắc phục ngay và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

+ Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Chỉ đạo cấp xã, ấp phát động quần chúng nhân dân ra quân tổng vệ sinh, dọn dẹp sạch sẽ tại địa bàn sinh sống./.

PHỔ BIẾN NGHỊ ĐỊNH SỐ 41/2020/NĐ-CP NGÀY 08/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT

■ **Đinh Thị Nhanh**¹

Ngày 08/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP quy định về Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Nghị định gồm 05 Điều và có hiệu lực áp dụng từ ngày 08/4/2020. Theo đó, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, tiền thuê đất. Cụ thể như sau:

Đối tượng được gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, tiền thuê đất. Gồm có 05 nhóm đối tượng sau:

Thứ nhất, doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Xây dựng.

Thứ hai, doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế: Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch

vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim.

Thứ ba, doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

Thứ tư, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm công bố danh sách tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hỗ trợ khách hàng để cơ quan quản lý thuế thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định này.

Các loại thuế được được gia hạn

1. Đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu)

Một là, gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia

¹ - Đơn vị Văn phòng Sở

tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế giá trị gia tăng phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

Các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng, quý theo quy định của pháp luật hiện hành, nhưng chưa phải nộp số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh trên tờ khai thuế giá trị gia tăng đã kê khai. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng, quý được gia hạn như sau:

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 3 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2020.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 4 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2020.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2020.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 1 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 2 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Hai là, trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định này có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế giá trị gia tăng riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp

thuế giá trị gia tăng. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

Thứ nhất, gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý 1, quý 2 của kỳ tính thuế năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã thực hiện nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của năm 2019 vào ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp, tổ chức được điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp để nộp cho số phải nộp của các loại thuế khác. Để thực hiện điều chỉnh, người nộp thuế lập thư tra soát (Mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính) kèm theo chứng từ nộp thuế hoặc thông tin liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh gửi cơ quan thuế.

Thứ hai, trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định này có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2020 của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này thì: doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định này.

Trường hợp được gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất: Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 05 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2010.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của Nhà nước và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

Trình tự, thủ tục gia hạn

1. Người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy

định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Trường hợp người nộp thuế được nhà nước cho thuê đất tại nhiều địa bàn khác nhau thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm sao gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho cơ quan thuế nơi có đất thuê.

2. Người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định này. Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho cơ quan thuế sau ngày 30 tháng 7 năm 2020 thì không được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

3. Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp sau khi hết thời gian gia hạn, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này thì người nộp thuế phải nộp số tiền thuế còn thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp do cơ quan thuế xác định lại vào ngân sách nhà nước.

4. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn (bao gồm cả trường hợp Giấy đề nghị gia hạn gửi cơ quan thuế sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020 ./.

TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG THÔNG TƯ 01/2020/TT-BTP HƯỚNG DẪN VỀ CHỨNG THỰC CHÍNH THỨC CÓ HIỆU LỰC

■ **Đinh Thị Nhanh**¹

Thông tư 01/2020/TT-BTP hướng dẫn Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được ban hành ngày 3/3/2020.

Theo đó, từ 20/4/2020 cần lưu ý một số vấn đề sau:

Thứ 1. Đối với chứng thực bản sao từ bản chính

- Bản sao từ bản chính để chứng thực phải gồm đầy đủ số trang có thông tin của bản chính.

Ví dụ: chứng thực bản sao từ bản chính sổ hộ khẩu thì phải chụp đầy đủ trang bìa và các trang của sổ đã ghi thông tin về các thành viên có tên trong sổ; chứng thực hộ chiếu thì phải chụp cả trang bìa và toàn bộ các trang của hộ chiếu có ghi thông tin.

Thứ 2. Đối với Chứng thực chữ ký trong tờ khai lý lịch cá nhân

- Người thực hiện chứng thực không ghi bất kỳ nhận xét gì vào tờ khai lý lịch cá nhân, chỉ ghi lời chứng chứng thực theo mẫu quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về việc ghi nhận xét trên tờ khai lý lịch cá nhân thì tuân theo pháp luật chuyên ngành.

- Người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân của mình. Đối với những mục không có nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân thì phải gạch chéo trước khi yêu cầu chứng thực.

Thứ 3. Việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền được thực hiện trong 4 trường hợp sau đây:

+ Ủy quyền về việc nộp hồ, nhận hồ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền;

+ Ủy quyền nhận hộ lương hưu, bưu phẩm, trợ cấp, phụ cấp;

+ Ủy quyền nhờ trông nom nhà cửa;

+ Ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

Việc ủy quyền không thuộc một trong 4 trường hợp thì không được yêu cầu chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền; người yêu cầu chứng thực phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Thứ 4. Cách thức chứng thực chữ ký trên giấy tờ, văn bản

- Lời chứng phải ghi ngay phía dưới chữ ký được chứng thực hoặc trang liền sau của trang giấy tờ, văn bản có chữ ký được chứng thực. Trường hợp lời chứng được ghi tại tờ liền sau của trang có chữ ký thì phải đóng dấu giáp lai giữa giấy tờ, văn bản chứng thực chữ ký và trang ghi lời chứng.

- Trường hợp giấy tờ, văn bản có nhiều người ký thì phải chứng thực chữ ký của tất cả những người đã ký trong giấy tờ, văn bản đó.

Thứ 5. Các giấy tờ, văn bản được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư này thì không có giá trị pháp lý./.

1 - Đơn vị; Văn Phòng Sở

PHỔ BIẾN NGHỊ ĐỊNH SỐ 48/2020/NĐ-CP NGÀY 15/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 38/2016/NĐ-CP NGÀY 15/5/2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

■ **Đinh Thị Nhanh**¹

Ngày 15/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 48/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. Nghị định gồm 03 Điều và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 6 năm 2020. Theo đó, tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định 48/2020/NĐ-CP sửa đổi Điều 3 Nghị định 38/2016/NĐ-CP quy định từ 01/6/2020 công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật khí tượng thủy văn gồm:

1. Sân bay dân dụng;

2. Đập, hồ chứa nước thuộc loại quan trọng đặc biệt, loại lớn, loại vừa theo quy định của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông (sau đây gọi tắt là đập, hồ chứa);

3. Bến cảng thuộc cảng biển loại I và loại II theo danh mục cảng biển, bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam do Bộ Giao thông vận tải công bố

Trường hợp cảng biển có nhiều bến cảng thì Giám đốc Cảng vụ hàng hải chủ trì, tổ chức lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, cơ quan khí tượng thủy văn tại địa phương khu vực cảng biển quyết định lựa chọn, chỉ định một hoặc một số bến cảng có tính đại diện về điều kiện tự nhiên khí tượng thủy văn cho khu vực cảng biển để tổ chức quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định này. Các bến cảng còn lại được quyền khai thác, chia sẻ thông tin quan trắc và có nghĩa vụ đóng góp kinh phí theo tỷ lệ bình quân để thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu

khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định này.

4. Cầu có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên;

5. Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình có kết hợp khai thác tham quan, kinh doanh phục vụ khách trên tháp;

6. Cáp treo phục vụ hoạt động tham quan, du lịch;

7. Vườn quốc gia;

8. Tuyến đường cao tốc tại khu vực thường xuyên có thời tiết nguy hiểm được xác định theo phân vùng rủi ro thiên tai do Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố và được cập nhật định kỳ 3 năm một lần;

9. Cảng thủy nội địa tổng hợp loại I trở lên;

10. Công trình mang tính chất đặc thù gồm các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, nhà giàn thuộc các cụm Dịch vụ Kinh tế - Kỹ thuật (DK1), sân bay quân sự phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Chủ sở hữu đối với đập, hồ chứa, tổ chức quản lý trực tiếp vườn quốc gia, công trình mang tính chất đặc thù phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân khai thác đối với sân bay, bến cảng, cầu, tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình, cáp treo, tuyến đường cao tốc, cảng thủy nội địa có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để tổ chức thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định này.

Sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp cần thiết Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, trình Chính phủ quyết định

¹ - Đơn vị; Văn Phòng Sở

điều chỉnh, bổ sung loại công trình phải quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định này.”

Điều khoản chuyển tiếp:

- Thay cụm từ Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn là Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thời hạn phải tổ chức quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn của các chủ công trình quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này đang khai thác, sử dụng mà chưa quan trắc khí tượng thủy văn được thực hiện như sau:

Công trình đập, hồ chứa loại vừa có cửa van điều tiết lũ chậm nhất sau 01 năm và công trình đập, hồ chứa loại vừa có tràn tự do phải tổ chức quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

Công trình bến cảng; cầu có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên không qua vùng cửa sông ven biển, eo biển, vịnh hoặc các đảo vùng nội thủy; tuyến đường cao tốc; cảng thủy nội địa tổng hợp loại I trở lên; công trình mang tính chất đặc thù gồm các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, nhà giàn thuộc các cụm Dịch vụ Kinh tế - Kỹ thuật (DK1) và sân bay quân sự phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh phải tổ chức quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ, Cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, lập danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn quy định của Nghị định này thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và trước ngày 15 tháng 12 hàng năm cập nhật, bổ sung danh mục công trình và chủ công trình gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

TÌNH HÌNH XÂM NHẬP MẶN ... *Tiếp theo trang 13*

sông Cửu Long, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam (Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã đưa vào vận hành trạm cấp nước sinh hoạt nhằm hỗ trợ người dân chống hạn, xâm nhập mặn đến hết mùa khô năm 2020. Riêng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, chiều 18/4, tại xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đoàn đã bàn giao cho tỉnh Trà Vinh công trình cấp nước sinh hoạt với chất lượng nguồn nước đạt tiêu chuẩn nước ăn uống, sinh hoạt theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đảm bảo cung cấp nước ngọt, hỗ trợ nhu cầu cấp nước ăn uống sinh hoạt phục vụ chống hạn, xâm nhập mặn cho người dân xã Nhị Trường và một số xã lân cận thuộc huyện Cầu Ngang.

Dự báo

Dòng chảy Tháng 4/2020 từ thượng lưu sông Mê Công về đồng bằng có khả năng vẫn ở mức thấp, kéo theo xâm nhập mặn Tháng 4 trên ĐB-SCL có khả năng vẫn còn ở mức nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt.

Dự báo Tháng 5/2020, khả năng mặn trên đồng bằng được cải thiện nhiều, nhưng vẫn đề phòng một số trường hợp bất thường do mưa

muộn, dòng chảy thương lưu về đồng bằng thấp.

(Nguồn: Dự báo số 80/DB-VKHTLMN của Viện Khoa học Thủy Lợi miền Nam ngày 12/3/2020)

Dự báo dòng chảy tại Tân Châu và Châu Đốc

Dựa trên các kết quả dự báo mưa trên Lưu vực sông Mê Công, kết hợp với tình hình sử dụng nước trên lưu vực và dự báo chế độ triều cho tháng 4/2020, tổng lượng dòng chảy tới vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam qua hai trạm thủy văn Tân Châu và Châu Đốc dự kiến xấp xỉ trung bình nhiều năm và thấp hơn tổng lượng dòng chảy tháng 4/2016 khoảng 5%.

Kết quả dự báo tổng lượng dòng chảy tháng 4/2020 dựa trên dự báo dòng chảy xả từ các đập thủy điện của Trung Quốc theo xu thế xả nước cuối tháng 3/2020 và trung bình nhiều năm vào tháng 4 hàng năm, bên cạnh các dự báo mưa và sử dụng nước ở Hạ lưu vực sông Mê Công và chế độ triều. Cụ thể, đợt xả nước lần này của Trung Quốc chỉ duy trì ở mức 1.600 m³/s cho tới giữa tháng 4/2020 sẽ lại giảm xuống mức 1.100 m³/s như hàng năm.

(Nguồn: Văn phòng thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam)

KẾT QUẢ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HƯỞNG ỨNG NGÀY NƯỚC THẾ GIỚI VÀ NGÀY KHÍ TƯỢNG THẾ GIỚI NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

■ Nguyễn Thị Trúc Linh¹

C hế độ khí tượng thủy văn dẫn đến các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra ngày càng thường xuyên và khó dự đoán (đặc biệt là ở các vùng thuộc miền tây nam bộ), làm ảnh hưởng trực tiếp đến các nguồn tài nguyên nước mặn và nước ngầm. Biến đổi khí hậu đang diễn ra từng ngày, từng giờ, gây ra những hậu quả nghiêm trọng như hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước trên phần lớn các khu vực hiện nay.

Ngày 13/3/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh có Kế hoạch số 23/KH- về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2020; Ngày 25/3/2020 Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải có Công văn số 432/UBND-KT về việc thực hiện Công văn số 837/UBND-NN ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh. Qua tổ chức thực hiện, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã đạt kết quả là UBND thị xã Duyên Hải đã triển khai, chỉ đạo Phòng Tài nguyên và môi trường phối hợp với các ngành, đoàn thể, xã, phường hưởng ứng lồng ghép tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2020 với các hoạt động khác trên địa bàn, lĩnh vực mình phụ trách.

Qua triển khai, hầu hết các ngành, các cấp đã tổ chức lồng ghép hoạt động tuyên truyền hưởng ứng Ngày Nước thế giới (22/3/2020) và Ngày Khí tượng thế giới năm 2020 (23/3/2020) với thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh trên địa bàn 07 xã, phường thuộc thị xã; kết quả đạt được như sau:

- Đã huy động được 440 lượt người (trong đó, 150 lượt lực lượng quần chúng nhân dân); Thực hiện thu gom và xử lý 2,88 tấn rác;

- Phát quang bụi rậm trên 19,5 km đường giao thông;

- Chăm sóc 1.600 cây xanh;

- Phát thanh tuyên truyền 01 buổi.

- Thực hiện vận động trực tiếp đến 214 hộ dân thực hiện thu gom rác thải tại nơi cư trú, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình sản xuất, thực hiện dọn vệ sinh khu vực xung quanh nhà.

- Dọn vệ sinh cơ quan hàng tuần với 204 lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia, thực hiện thu gom và xử lý 1,23 tấn rác các loại.

- Bên cạnh đó, nhằm giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và hướng đến mục tiêu toàn cầu về sự phát triển bền vững và tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm năng lượng; tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã đã lắp đặt 02 pano tuyên truyền trên tuyến đường thuộc xã Trường Long Hòa và Dân Thành./.



Hình ảnh lắp đặt pano tuyên truyền tại xã Trường Long Hòa, xã Dân Thành

1 - Đơn vị Phòng TN&MT Thị Xã Duyên Hải

TÌNH HÌNH XÂM NHẬP MẶN TẠI CÁC TỈNH MIỀN TÂY

■ Huỳnh Hoàng Duy¹

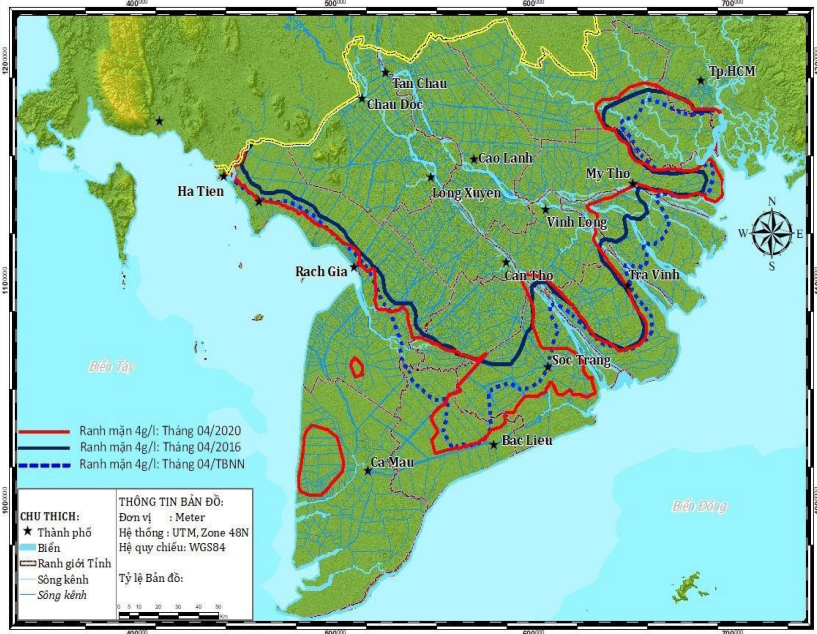
Tình hình xâm nhập mặn hiện nay;

Do phần lớn Hạ lưu vực sông Mê Công mưa vẫn ít hoặc không có mưa, và kết hợp với tổng lượng chảy từ Trung Quốc về tiếp tục bị sụt giảm mạnh, nên tổng lượng dòng chảy về vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam qua hai trạm thủy văn Tân Châu và Châu Đốc vẫn tiếp tục bị sụt giảm khoảng 10% so với trung bình nhiều năm và tương đương với tổng lượng dòng chảy tháng 3/2016.

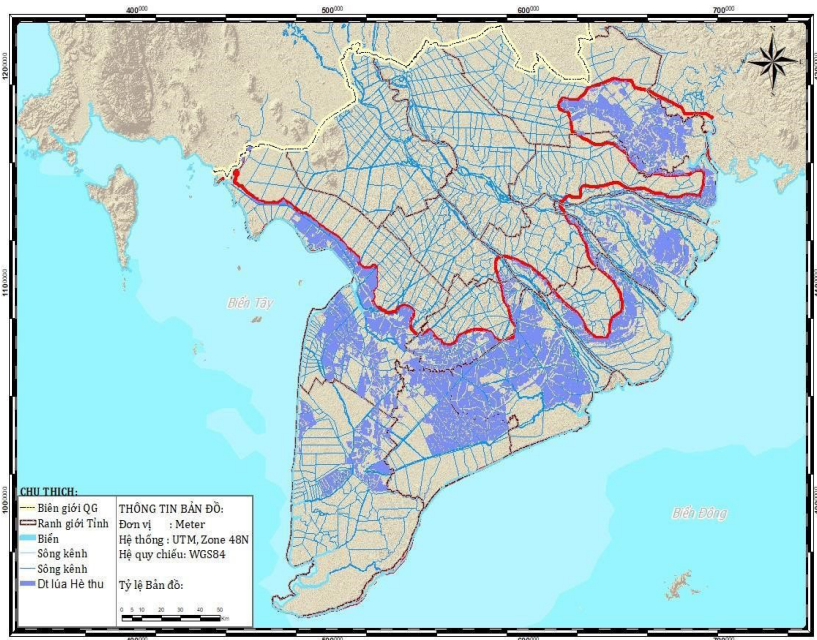
Xâm nhập mặn tiếp tục diễn biến nghiêm trọng

Vẫn theo VPTT UBSCMCVN, do dòng chảy về Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục ở mức thấp và triều đạt đỉnh vào trung tuần tháng 3 nên hiện tượng xâm nhập mặn vùng ven biển trong tháng 3/2020 tiếp tục diễn ra gay gắt. Vào giữa tháng 3 khi xuất hiện đỉnh triều, đường ranh mặn 4g/l trên ba nhánh sông lớn là sông Hậu (nhánh Cổ Chiên), sông Tiền (nhánh Hàm Luông) và sông Vàm Cỏ Tây vào sâu hơn so với trung bình nhiều năm từ 18 đến 26 km, và vào sâu hơn so với tháng 3/2016 từ 5 đến 9 km.

Tương tự, đường ranh mặn 1g/l trên ba nhánh sông vào sâu hơn so với trung bình nhiều năm từ 24-28 km, và so với tháng 3/2016 từ 2 đến 15 km. Cụ thể, đường ranh mặn trên sông Hậu vào sâu so với TBNN là 28 km, và so với tháng 3/2016 là 2km.



Tình hình xâm nhập mặn (ranh mặn 4g/l) tháng 4/2020



Diện tích lúa có thể bị ảnh hưởng do xâm hạn mặn (1g/l) tháng 4/2020

1 - Đơn vị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TX Duyên Hải

Đáng lưu ý, trên sông Vàm Cỏ Tây, đường ranh mặn vào sâu so với TBNN là 40km, và so với tháng 3/2016 là 15 km.

VPTT UBSCMCVN cho hay, trên cơ sở dự báo dòng chảy về Đồng bằng sông Cửu Long và dự báo triều tháng 4, nên hiện tượng xâm nhập mặn tháng 4/2020 vẫn ở mức nghiêm trọng, mặc dù có giảm nhẹ hơn so với tháng 3/2020. Đường ranh mặn 4g/l vào sâu nhất trên ba nhánh sông lớn là sông Hậu (nhánh Cổ Chiên), sông Tiền (nhánh Hàm Luông) và sông Vàm Cỏ Tây dự kiến tiếp tục vào sâu hơn so với trung bình nhiều năm từ 20 đến 28 km, và sâu hơn từ 3-8 km so với xâm nhập mặn tháng 4/2016.

Tương tự, đường ranh mặn 1g/l vào sâu nhất trên ba nhánh sông trong tháng 4/2020 dự kiến sẽ vào sâu hơn so với trung bình nhiều năm từ 29 đến 41 km và sâu hơn so với tháng 4/2016 từ 3 đến 16 km.

Căn cứ vào kết quả dự báo mức độ xâm nhập mặn trên các nhánh sông chính vào tháng 4/2020, số giờ có thể mở cống lấy nước ngọt (độ mặn nhỏ hơn 1g/l) tại một số công trình đầu mối sẽ được cải thiện rõ rệt so với tháng 3/2020.

Ảnh hưởng

Cũng trên cơ sở đó, dự báo trong tháng 4/2020 sẽ có khoảng 628,000 ha dự kiến canh tác lúa Hè Thu trong vùng ranh mặn 1g/l có thể không xuống giống được do thiếu nước ngọt.

“Trước tình hình hạn mặn của tháng 4/2020 trong vùng không chủ động được nước ngọt, người dân cần chuyển thời gian xuống giống lúa Hè Thu sang tháng 5 để hạn chế rủi ro” – Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đưa ra khuyến cáo.

Riêng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, do là tỉnh ven biển nên cũng chịu nhiều ảnh hưởng do hạn hán kéo dài cùng với nạn xâm nhập mặn.

Nhiều ruộng lúa từ địa bàn huyện Cầu Kè đến Trà Cú nhiều ruộng lúa Đông Xuân bị thiếu nước tưới, mặn tấn công... lúa không hạt và chết tràn lan, khiến nhiều hộ quyết định không thu hoạch vì sẽ tốn kém thêm. Đến nay toàn tỉnh đã có hơn 8.098ha lúa bị thiệt hại do hạn mặn.

Chi cục Thủy sản tỉnh Trà Vinh cho biết do ảnh hưởng nắng nóng kéo dài và xâm nhập mặn phức tạp đã khiến hơn khoảng 70 tấn cá lóc ở xã Lưu Nghiệp Anh (huyện Trà Cú) bị thiệt hại. Còn ở xã Định An (huyện Trà Cú), nhiều hộ nuôi với hơn 1,3 triệu con giống bị ảnh hưởng do xâm nhập mặn buộc phải thu hoạch sớm bán với giá thấp hơn mức bình thường. Ngoài ra Hạn hán kéo dài cũng làm phần lớn diện tích nuôi tôm của tỉnh Trà Vinh bị ảnh hưởng không nhỏ.

Biện pháp, hành động, chủ trương, chỉ thị phòng chống hạn, mặn

Trước tình hình trên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh Nguyễn Trung Hoàng chỉ đạo ngành nông nghiệp, các địa phương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống hạn, mặn; giảm thiểu rủi ro trong sản xuất do thiếu nước tưới cho nông dân. Bên cạnh đó, ông cũng lưu ý ngành nông nghiệp sớm xây dựng lịch thời vụ các vụ lúa Hè Thu, Thu Đông-Mùa, Đông Xuân 2020-2021 theo hướng điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, các địa bàn thường xuyên bị thiếu nước tưới.

Theo đó, ngành nông nghiệp phối hợp với các địa phương đẩy mạnh công tác quan trắc môi trường nước, thường xuyên theo dõi khi độ mặn xuống mức cho phép thông báo cho nông dân lấy nước ngọt tưới tiêu, tích trữ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cùng với đó, đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng; kiểm tra cống, bọng tránh bị rò rỉ làm mất lượng nước dự trữ bên trong nội đồng; khẩn trương ra quân thu gom lục bình trên các tuyến kênh, rạch để khơi thông dòng chảy, điều hòa nguồn nước, bên cạnh đó ngành cũng vận động nông dân chủ động áp dụng các biện pháp trữ nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt, đồng thời áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất....

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh ông Phạm Minh Truyền cho biết, ngành nông nghiệp tỉnh đang thực hiện nhiều giải pháp phòng, chống hạn, mặn; đặc biệt là đẩy mạnh công tác tuyên truyền. Ngành đã phối hợp với các địa phương tổ chức các lớp tập huấn về các biện pháp ứng phó và phòng chống hạn, mặn trên lúa, rau màu, cây ăn trái và vật nuôi. Đồng thời, thành lập 5 Tổ công tác phòng, chống hạn, mặn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra, quan trắc độ mặn trên các tuyến kênh, cánh đồng để thông báo kịp thời cho người dân chủ động ứng phó; hướng dẫn người dân thường xuyên theo dõi kiểm tra độ mặn kênh rạch nội đồng, trên đồng ruộng khi độ mặn vượt ngưỡng đối với sự phát triển và sinh trưởng của cây lúa, tiêu xổ phèn, mặn, cung cấp nước mới cho ruộng lúa.

Nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà tại Văn bản số 1696/BTN-MT-TNN gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và Cần Thơ, về việc Hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt phục vụ chống hạn, xâm nhập mặn các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 05 NĂM 2020 TỈNH TRÀ VINH

■ Nguyễn Thị Đoàn Diễm ¹

A. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 4 NĂM 2020

I. Khí tượng:

1. Diễn biến tình hình thời tiết trong tỉnh:

Tháng 04/2020 thời tiết của tỉnh phổ biến: mây thay đổi, không mưa, sáng sớm có nơi có mù nhẹ, ngày nắng, có lúc nắng nóng. Riêng ngày 13,14/4 và 23,24/4 có mưa rào và dông vài nơi, có nơi mưa vừa, ngày nắng gián đoạn.

Gió mạnh nhất hướng đông 7m/s, cấp 4 (ngày 15/4).

2. Nhiệt độ tại Trạm Khí tượng Càng Long:

Cao hơn năm 2019.

- Trung bình : 29,0C cao hơn cùng kỳ năm trước 1,00C.

- Cao nhất : 35,50C cao hơn cùng kỳ năm trước 0,50C (ngày 01/4).

- Thấp nhất : 24,40C thấp hơn cùng kỳ năm trước 2,70C (ngày 13/4).

3. Lượng mưa và độ ẩm:

Thấp hơn năm 2019.

- Lượng mưa:

+ Nơi có lượng mưa lớn nhất: 53,8mm tại Tp Trà Vinh (3 ngày mưa)

+ Nơi có lượng mưa lớn nhất 24h: 50,7mm tại Tp Trà Vinh (ngày 13/4)

+ Nơi có lượng mưa nhỏ nhất: 1,5mm tại Ba Động (ngày 13/4)

- Độ ẩm:

Trung bình: 77%;

Thấp nhất: 40% (ngày 07/4).

4. Số giờ nắng và lượng bốc hơi:

Xấp xỉ năm 2019.

Tổng số giờ nắng: 266 giờ; Tổng lượng bốc hơi:

105 mm.

II. Thủy văn:

Trong tháng 04, mực nước trên các sông chính trong tỉnh dao động theo triều, giá trị cao nhất xuất hiện vào tuần đầu tháng ở mức cao hơn báo động I từ: 05 - 10cm.

1. Mực nước cao nhất:

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: 178cm, ngày 10/4, cao hơn cùng kỳ năm trước: 24cm.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: 182cm, ngày 10/4, cao hơn cùng kỳ năm trước 03cm.

2. Mực nước thấp nhất:

Mực nước thấp nhất xuất hiện vào tuần đầu tháng ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm trước từ 05 - 15cm.

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: -125cm, ngày 06/4.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: -140cm, ngày 05/4.

3. Độ mặn:

- Độ mặn cao nhất trên các sông chính trong tỉnh xuất hiện chủ yếu vào tuần cuối tháng ở mức cao và gay gắt. Ranh mặn 4‰ lúc mặn cao nhất cách cửa sông:

+ Trên sông Long Toàn toàn tuyến sông.

+ Trên sông Cổ Chiên cách 40km, đến xã Đại Phước huyện Càng Long.

+ Sông Hậu cách 45km đến xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè.

Rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở mức cấp 1.

- Độ mặn cao nhất:

+ Trên sông Long Toàn tại Long Toàn đạt 23,0‰, ngày 27/4.

Trên sông Cổ Chiên tại Hưng Mỹ đạt: 15,9‰, ngày 29/4; Trà Vinh: 7,2‰, ngày 29/4.

1 - Đơn vị Phòng Quản lý tài nguyên và biển

- Trên sông Hậu tại Trà Kha: 18,5‰, ngày 30/4, Cầu Quan: 8,2‰, ngày 08/4.

B. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KTTV THÁNG 05 NĂM 2020

I. Khí tượng:

1. Tình hình chung:

Trong tháng 05/2020 thời tiết của tỉnh chịu ảnh hưởng của rìa nam rãnh thấp nối với vùng áp thấp nóng phía tây kết hợp với rãnh thấp xích đạo hoạt động mạnh vào tuần giữa và cuối. Trên cao áp cao cận nhiệt hoạt động ổn định. Gió đông đến đông bắc có cường độ trung bình yếu sau chuyển sang gió tây nam hoạt động ổn định trong tuần giữa và cuối.

Do vậy, thời tiết của tỉnh trong tháng phổ biến: mây thay đổi, có mưa rào và dông rải rác trong 4- 5

ngày cuối tuần đầu; sang tuần giữa và cuối: mây thay đổi, có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi, có nơi mưa vừa mưa to, cần đề phòng xảy ra lốc xoáy, gió giật và sét đánh trong cơn dông.

Vùng biển từ Bà Rịa Vũng Tàu đến Cà Mau: mưa rào và dông rải rác, gió đổi hướng trong 3-4 ngày đầu sau chuyển sang gió tây nam cấp 4-5, có lúc giật trên cấp 5, biển bình thường.

Vùng biển Cà Mau-Kiên Giang và Phú Quốc: có mưa rào và dông rải rác, gió nhẹ. Biển bình thường.

Trên cả hai vùng biển cần đề phòng lốc xoáy và gió giật mạnh trong cơn dông.

2. Dự báo lượng mưa và nhiệt độ:

Nhiệt độ ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Lượng mưa ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm.

KHU VỰC (mm)	Lượng mưa (mm)	Nhiệt độ		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ven biển	120-150	27-29	34-36	24-26
Thành phố Trà Vinh, huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần, huyện Châu Thành, huyện Cầu Kè	120-150	27-29	34-36	24-26

II. Thủy văn:

1. Mực nước:

Mực nước trên các sông chính trong tỉnh chịu ảnh hưởng của triều biển Đông, giá trị cao nhất xuất hiện vào tuần đầu tháng, ở mức xấp xỉ báo động I.

Bảng giá trị mực nước tại các sông chính trong tỉnh

Trạm	Hmax(cm)	Ngày	Hmin(cm)	Ngày
Trà Vinh	170	08,09/5	-150	09,10/5
Cầu Quan	175	08,09/5	-160	09,10/5

2. Độ mặn:

- Độ mặn trên các sông chính trong tỉnh xuất hiện cao nhất trong tuần đầu tháng.

- Ranh mặn 4‰ lúc mặn cao nhất cách cửa sông:

+ Trên sông Long Toàn: toàn tuyến sông.

+ Trên sông Cổ Chiên cách 40km, đến xã Đại Phước, huyện Càng Long.

+ Trên Sông Hậu cách 40km đến thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần.

Rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở mức cấp 1.

- Độ mặn cao nhất:

+ Trên sông Long Toàn tại Long Toàn đạt 22‰, ngày 09, 10/5.

+ Trên sông Cổ Chiên tại Hưng Mỹ đạt: 14‰; Trà Vinh: 6,5‰, ngày 09, 10/5.

+ Trên sông Hậu tại Trà Kha: 17‰, Cầu Quan: 6,5‰, ngày 09,10/5.

(Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh)

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC MÔI TRƯỜNG MỘT SỐ LOẠI HÌNH DỰ ÁN GẶP VƯỚNG MẮC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

■ Lâm Quang Trung ¹

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành vào ngày 13/5/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019. Theo đó, việc thực hiện thủ tục môi trường đối với các dự án đã có nhiều sửa đổi, điều chỉnh và có thêm những quy định mới. Từ khi triển khai thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đến nay, nhiều loại hình dự án vẫn chưa được quy định rõ loại thủ tục môi trường dẫn đến việc chủ dự án và cơ quan quản lý gặp khó khăn, vướng mắc khi áp dụng. Từ thực tế trên và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có nhiều văn bản xin ý kiến cơ quan cấp Trung ương để làm cơ sở triển khai thực hiện, một số loại hình dự án gặp vướng mắc đã được hướng dẫn thực hiện thủ tục môi trường như sau:

1. Loại hình dự án nuôi tôm thâm canh mật độ cao (Công văn số 238/TCMT-TĐ ngày 31/01/2020 của Tổng cục Môi trường)

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có nhiều dự án thuộc loại hình nuôi tôm thâm canh mật độ cao với quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến dưới 05 ha nhưng lưu lượng nước thải phát sinh thường đạt đến mức trên 1.000 m³/ngày (24 giờ).

Thủ tục môi trường phải thực hiện:

- Dự án nuôi trồng thủy sản không dựa trên quy mô tổng lượng nước thải phát sinh để làm cơ sở thực hiện thủ tục môi trường.

- Dự án nuôi tôm thâm canh (nếu không có hạng mục nào khác ngoài lượng nước thải từ hoạt động nuôi trồng) có quy mô dưới 05 ha không thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong quá

trình thực hiện dự án, chủ dự án phải thực hiện việc quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

2. Loại hình dự án kè sông, biển (Công văn số 282/TCMT-TĐ ngày 07/02/2020 của Tổng cục Môi trường)

Các dự án có hoạt động xây dựng mới kè sông, biển hoặc cải tạo sửa chữa kè trên sông, biển có hạng mục với quy mô tương đương hoặc tính chất tương tự dự án đầu tư xây dựng mới đê sông, đê biển có chiều dài từ 1.000 m trở lên thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Loại hình dự án chợ (Công văn số 556/TCMT-TĐ ngày 28/02/2020 của Tổng cục Môi trường)

- Chợ hạng 1, 2 trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn: phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định (theo quy định tại số thứ tự 7 Phụ lục II Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

- Các chợ còn lại (không phải chợ hạng 1, 2 trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn; chợ trên địa bàn xã): không thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, tùy theo quy mô, tính chất chất thải phát sinh thì:

+ Trường hợp có phát sinh lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ) hoặc chất thải rắn từ 01 tấn/ngày (24 giờ) đến dưới 10 tấn/ngày (24 giờ): thuộc đối tượng đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thường (theo quy

¹ - Đơn vị Chi cục Bảo Vệ Môi trường



Nuôi tôm thâm canh mật độ cao (Sưu tầm)



Hạ độ cao đất nông nghiệp

định tại Điểm b Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

+ Trường hợp còn lại: được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, việc quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật (theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

4. Loại hình dự án sử dụng vật liệu nạo vét, đất bề mặt để làm vật liệu san lấp (Công văn số 1285/TCMT-TĐ ngày 28/4/2020 của Tổng cục Môi trường)

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 01 số loại hình dự án như sau:

- Các bãi chứa vật liệu nạo vét từ luồng hàng hải, sông, kênh hiện nay đã lưu chứa đầy và UBND tỉnh đang có chủ trương thực hiện phương án hạ độ cao (bốc dỡ, vận chuyển) để sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng và giúp khôi phục lại khả năng lưu chứa cho các bãi chứa hoặc hoàn trả lại mặt bằng bãi chứa.

- Nạo vét các đoạn sông, kênh phục vụ sản xuất nông nghiệp và kết hợp tận dụng vật liệu nạo vét để san lấp mặt bằng.

- Hạ độ cao đất canh tác nông nghiệp (thu gom lớp đất bề mặt, bốc dỡ, vận chuyển) đối với các khu đất gò cao, khả năng lưu chứa nước kém,... để tăng hiệu quả sản xuất và kết hợp tận dụng phần đất dôi dư để san lấp mặt bằng.

Thủ tục môi trường phải thực hiện:

- Dự án sử dụng vật liệu nạo vét đã được khai thác từ các dự án nạo vét luồng hàng hải, sông, kênh và đang lưu chứa được coi là dự án sử dụng khoáng sản; dự án nạo vét các đoạn sông, kênh và tận dụng vật liệu nạo vét để san lấp mặt bằng và dự án thu gom lớp đất bề mặt và tận dụng lớp đất bề mặt được thu gom để san lấp mặt bằng được coi là dự án khai thác khoáng sản.

- Đối với các dự án tương đương với dự án khai thác khoáng sản, việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại danh mục thứ tự số 33, điểm 3, mục I, Phụ lục kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Phụ lục II của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

- Đối với các dự án không tương đương với loại hình dự án khai thác khoáng sản (thuộc danh mục thứ tự số 33) mà có quy mô tương đương hoặc tính chất tương tự các dự án có danh mục thứ tự từ số 01 đến số 106, việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại danh mục 107, điểm 3, mục I, Phụ lục kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Phụ lục II của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp địa phương có phát sinh những loại hình dự án chưa được quy định cụ thể tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đề nghị kịp thời phản hồi về Sở để Sở tổng hợp và xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan cấp Trung ương nhằm làm cơ sở triển khai thực hiện thủ tục môi trường theo quy định./.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH QUÝ I/2020

■ Nguyễn Phạm Thảo Vy¹

Chất lượng môi trường nền

Chất lượng không khí

Các thông số quan trắc tại khu vực đồng bằng xã Ngũ Lạc và xã Phước Hưng quý I năm 2020 đều nằm trong giới hạn cho phép. Nồng độ SO₂ và NO₂ giảm nhẹ so với quý IV/2019, tuy nhiên tiếng ồn lại tăng nhẹ.

Chất lượng nước mặt

Vị trí quan trắc: Xã Đức Mỹ, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, về phía bắc 700m gần vị trí hợp lưu với sông Cổ Chiên (sau đây gọi tắt là xã Đức Mỹ); xã An Phú Tân, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh (sau đây gọi tắt là xã An Phú Tân) và tại thượng nguồn sông Cầu Kè.

Kết quả quan trắc cho thấy có đa các thông số nằm trong giới hạn cho phép đối với chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi. Tuy nhiên, thông số Cl- tăng cao và vượt quy chuẩn cho phép từ 2,2 – 4,0 lần. Bên cạnh đó, thông số Coliforms vượt từ 1,2 – 5,7 lần so với giới hạn cho phép.

So với quý IV/2019, nhìn chung chất lượng nước không biến động nhiều; nồng độ COD, BOD₅ giảm nhẹ tại vị trí xã Đức Mỹ và xã An Phú Tân. Riêng nồng độ TSS tại vị trí xã Đức Mỹ tăng và vượt nhẹ so với quy chuẩn cho phép.

So với cùng kỳ năm 2019, đa số các thông số quan trắc có nồng độ biến động không nhiều. Tại xã Đức Mỹ, nồng độ TSS, Cl- và Coliforms có xu hướng tăng trong khi nồng độ dầu mỡ tổng giảm nhẹ, hàm lượng oxy hòa tan trong nước giảm. Tại xã An Phú Tân có nồng độ TSS và Coliforms giảm nhẹ nhưng nồng độ Cl- lại tăng lên rất cao, từ 3,3 – 47,5 lần.

Chất lượng môi trường tác động

Chất lượng không khí

Kết quả quan trắc không khí quý I/2020 cho thấy đa số các thông số đều có hàm lượng nằm trong ngưỡng cho phép so với QCVN 05-MT:2013/BTNMT (giá trị trung bình 1 giờ). Riêng NH₃ có nồng độ vượt giới hạn cho phép.

- Độ ồn dao động từ 50,7 – 77,7 dBA, có 09/20 điểm quan trắc độ ồn trên 70 dbA, vượt giới hạn cho phép, cao nhất tại Khu vực gần cầu Cổ Chiên (gần trạm thu phí).

- Nồng độ bụi lơ lửng dao động từ 68 – 432 µg/m³, biên độ dao động lớn, đa số các điểm quan trắc nằm trong giới hạn cho phép. Một số điểm có nồng độ bụi lơ lửng biến động theo xu hướng tăng cao so với quý IV/2019 từ 2,3 – 3,2 lần như tại Bến xe Trà Vinh, Giao lộ đường 2/9 và đường 30/4, Bãi rác Duyên Hải, Công ty Giày da Mỹ Phong.

- Nồng độ CO trong không khí thấp, dao động từ 3.000 – 7.670 µg/m³, tại Khu vực Thị trấn Mỹ Long có CO tăng nhẹ so với quý IV/2019; các vị trí còn lại không thay đổi nhiều.

- Nồng độ SO₂, NO₂, O₃ trong không khí xung quanh đều giảm nhẹ so với quý IV/2019 và dưới ngưỡng cho phép.

- Trong khi nồng độ H₂S trong không khí tại Làng nghề sơ chế biến thủy, hải sản Đông Hải vượt nhẹ so với giới hạn cho phép ở đợt IV/2019 thì tại quý I/2020, tất cả các nồng độ H₂S ở các vị trí quan trắc đều giảm nhẹ và nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng tại Ngã ba giao Quốc lộ 53 và Hương lộ 81 Trung tâm điện lực Duyên Hải và Khu dân cư bên ngoài nhà máy nhiệt điện Duyên Hải không phát hiện hàm lượng H₂S.

- Có 07/08 điểm quan trắc có nồng độ NH₃ vượt giới hạn cho phép từ 1,3 – 2,4 lần, trong đó vượt cao nhất tại khu vực Bãi rác Càng Long. Riêng

1 - Đơn vị Trung Tâm Kỹ Thuật TN&MT

tại Ngã ba giao Quốc lộ 53 và Hương lộ 81 Trung tâm điện lực Duyên Hải nó nồng độ NH₃ giảm 2,9 lần so với quý IV/2019, giảm xuống thấp hơn so với quy định cho phép trong QCVN 06:2009/BTNMT.

- Không phát hiện hàm lượng Pb, HC và VOC trong không khí tại tất cả các điểm quan trắc trong quý I/2020.

So với cùng kỳ năm 2019, nồng độ các thông số bụi lơ lửng, H₂S và NH₃ tăng nhẹ; nồng độ các thông số NO₂, SO₂ và O₃ có xu hướng giảm nhẹ. Các thông số còn lại không thay đổi nhiều.

Chất lượng nước mặt

Chất lượng nước mặt tại đa số các điểm quan trắc có từ 01 – 06 thông số vượt giới hạn cho phép so với tiêu chuẩn chất lượng nước dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi ngoại trừ nước mặt tại Cầu Đúc, Sông Nhị Long, xã Nhị Long. Đa số không đạt ở các thông số: DO, TSS, Cl⁻, NH₄⁺-N, COD và Coliform.

- Giá trị pH dao động từ 6,86 – 7,91 và nằm trong giới hạn cho phép.

- Nồng độ DO dao động từ 3,4 – 6,7 mg/L, trong đó có 09/23 vị trí quan trắc có nồng độ DO thấp hơn so với giới hạn quy định trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1).

- Nồng độ TSS dao động từ < 3,0 – 850 mg/L, đa số tại các vị trí quan trắc đều có xu hướng tăng, có 07/23 vị trí vượt giới hạn cho phép từ 1,1 – 17 lần.

- Có 21/23 điểm quan trắc có nồng độ Cl⁻ vượt giới hạn cho phép, trong đó 10 điểm vượt giới hạn cho phép trên 10 lần, cao nhất tại Kênh đào Trà Vinh, xã Dân Thành vượt giới hạn cho phép 54 lần.

- Nồng độ COD dao động từ 10 – 71 mg/L, 09/23 vị trí vượt giới hạn cho phép, cao nhất tại Kênh 12 – khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải, vượt 2,4 lần.

- 05/23 vị trí có nồng độ Amoni vượt giới hạn cho phép, so với quý IV/2019 nồng độ Amoni biến động nhiều và có xu hướng giảm nhẹ.

- Hàm lượng Nitrit tại một vài vị trí có xu hướng tăng nhẹ và vượt giới hạn cho phép: Kênh Mù U, xã Lưu Nghiệp Anh vượt 1,9 lần; Cống Trà Cú – sông Trà Cú vượt 2,3 lần; Kênh 12 – khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải vượt 6,1 lần và vùng nuôi cá lóc xã Đại An vượt 2,3 lần.

- 03 vị trí có nồng độ Fe vượt giới hạn cho phép từ 1,8 – 8,7 lần: tại Sông Hậu tại xã Hòa Tân, Cầu

Long Toàn và Cảng cá Láng Chim, Phường 2.

- Nồng độ Photphat dao động từ < 0,018 – 0,65 mg/L, đa số nằm trong giới hạn cho phép, riêng tại vùng nuôi cá lóc xã Đại An vượt 2,2 lần.

- Hàm lượng dầu mỡ tổng thấp, tất cả đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Mật độ Coliform trong nước mặt cao, dao động từ 2,4.10² đến 2,4.10⁶ MPN/100mL, có 11/23 điểm vượt giới hạn cho phép từ 1,2 – 320 lần, cao nhất tại chợ huyện Cầu Kè.

So với quý IV/2019 và cùng kỳ năm 2019, đa số các thông số có giá trị không thay đổi nhiều ngoại trừ các thông số như BOD₅, COD và TSS có giá trị tăng nhẹ tại một vài vị trí quan trắc. Riêng nồng độ Cl⁻ tăng cao tại tất cả các vị trí quan trắc từ 1,6 – 25 lần. Điều này cho thấy tình hình xâm nhập mặn trong mùa khô năm nay diễn ra càng gay gắt hơn so với mùa khô của năm trước.

Chất lượng nước dưới đất

Nhìn chung chất lượng nước dưới đất trong quý I/2020 ít biến động so với quý IV/2019. Đa số các thông số quan trắc đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép, riêng địa bàn huyện Càng Long nước dưới đất có độ cứng và nồng độ Cl⁻ cao.

Nước dưới đất tại 07/17 vị trí quan trắc có tất cả các thông số quan trắc đều đạt giới hạn cho phép, bao gồm: Khu vực gần bãi rác Cầu Kè, xã Hòa Ân, Khu vực đất trồng lúa kết hợp nuôi tôm, xã Tam Ngãi, Khu vực gần bãi rác huyện Cầu Ngang, Khu vực nuôi tôm công nghiệp Phường 1, TX. Duyên Hải, Khu vực trồng lúa xã Lưu Nghiệp Anh, Khu vực gần cụm công nghiệp xã Lưu Nghiệp Anh và Khu vực chuyên canh lúa xã Thanh Sơn.

03 vị trí quan trắc trên địa bàn huyện Càng Long có độ cứng và Clorua cao, nhất là tại Khu vực nước lợ Láng Thê, xã Đại Phước có hàm lượng tổng cứng vượt giới hạn 4,8 lần và Clorua vượt giới hạn cho phép 18 lần. Tại một số điểm như: Khu vực chuyên canh trồng lúa xã Phong Phú, Khu vực trồng mía xã Tân Hòa, Khu vực làm muối Cồn Cù, xã Đông Hải và Khu vực kênh 12 – khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải và Khu vực trồng đậu phộng xã Long Sơn bị nhiễm thông số Coliform từ 2,7 – 16 lần.

So với cùng kỳ năm 2019, nồng độ Clorua tăng nhẹ tại các khu vực sau: Khu vực xã Phương Thạnh, Khu vực nước lợ Láng Thê, xã Đại Phước và Khu vực nuôi tôm công nghiệp Phường 1, thị xã Duyên Hải.



Chất lượng nước biển ven bờ

Nước biển ven bờ tại các điểm quan trắc trong quý I/2020 có pH dao động từ 7,37 – 7,67; độ muối từ 24,6 – 33,4 ‰, tăng nhẹ so với quý IV/2019. Hàm lượng kim loại nặng (Hg, As), Phenol, H₂S và hóa chất BVTV (DDTs), dầu mỡ khoáng và Coliforms có giá trị thấp nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên nồng độ chất rắn lơ lửng và Fe trong nước biển cao, hầu hết các vị trí quan trắc không đạt yêu cầu cho các mục đích sử dụng. So với cùng kỳ năm 2019, độ đục tăng 2,3 – 13,3 lần; độ muối tăng 1,8 – 3,2 lần; TSS tăng 2,7 – 30,7 lần; Fe tăng 1,8 – 20,2 lần và Coliforms tăng 1,5 – 310 lần.

So với chất lượng nước cho khu vực bãi tắm thì tại khu du lịch biển Ba Động có chất lượng khá tốt, hầu hết các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 10-MT:2015, riêng tổng chất rắn lơ lửng vượt 9,2 lần và Fe vượt giới hạn cho phép 26,6 lần.

So với chất lượng nước cho khu vực nuôi trồng thủy sản: Nước biển khu vực xã Đông Hải có nồng độ chất rắn lơ lửng vượt giới hạn cho phép 14,6 lần và Fe vượt giới hạn cho phép 47 lần; khu vực xã Mỹ Long Nam có nồng độ chất rắn lơ lửng vượt giới hạn cho phép 7,2 lần và Fe vượt giới hạn cho phép 23 lần; khu neo đậu tránh trú bão Vàm Lầu, xã Mỹ Long Bắc có nồng độ chất rắn lơ lửng vượt 2,6 lần và Fe vượt 13,5 lần.

So với chất lượng nước cho dùng cho mục đích khác: Nước biển khu vực Cảng Biển có nồng độ các thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép ngoại trừ thông số Fe vượt giới hạn 21 lần.

Chất lượng nước thải

Nước thải có từ 01-05 thông số vượt so với giới hạn cho phép, tất cả các điểm có mật độ coliform vượt từ 1,9 – 1.860 lần, trong đó vượt cao nhất là Cống nước thải sinh hoạt của thị trấn Châu Thành và Cống nước thải sinh hoạt thị trấn Cầu Quan.

- Nước thải sinh hoạt đa số có nồng độ chất hữu cơ cao, trong số các điểm quan trắc, Cống nước thải thị trấn Châu Thành có nhiều thông số vượt giới hạn nhất, nước thải sinh hoạt Khu dân cư và dịch vụ thương mại phường 4 ít ô nhiễm nhất.

- Nước thải làng nghề sơ chế thủy sản Xóm Đáy có 05 thông số ô nhiễm: độ màu, COD, Cl⁻, S₂- và Coliform. Trong đó, nồng độ S₂- vượt 38 lần và Coliforms vượt 1.860 lần, nhìn chung mức độ ô nhiễm quan trắc tại quý I/2020 tăng so với quý IV/2019.

So với cùng kỳ năm 2019, đa số các thông số quan trắc tại quý I/2020 có nồng độ giảm nhẹ, riêng hàm lượng TSS và Cl⁻ tăng cao.

(Nguồn ảnh: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh Quý I năm 2020)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 17 VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

■ **Huỳnh Quốc Nam**¹

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-BCĐ ngày 24/3/2020 của Ban Chỉ đạo các CTMTQG và Phong trào toàn dân ĐKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm đối với các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Kết quả thực hiện như sau:

Kết quả thực hiện tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm

Đến nay, theo số liệu tổng hợp báo cáo từ các huyện, kết quả tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm của 85/85 xã (có 50 xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 55 xã đạt tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, còn lại 30 xã chưa đạt tiêu chí 17), cụ thể như sau:

- Nhóm 1 (xã đạt 09/09 chỉ tiêu): 55 xã, chiếm 64,7%;
- Nhóm 2 (xã đạt từ 06 - 08 chỉ tiêu): 26 xã, chiếm 30,6%;
- Nhóm 3 (xã đạt từ 03 - 05 chỉ tiêu): 03 xã, chiếm 3,53%;
- Nhóm 4 (xã đạt dưới 03 chỉ tiêu): 01 xã, chiếm 1,18%.



Một số kết quả đạt được mô hình trồng hoa xây dựng tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn huyện Tiểu Cần



Mô hình trồng hoa xây dựng tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp tại xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ sở Ban ngành tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện và các ban ngành huyện, đặc biệt là sự hỗ trợ của cơ quan thường trực ban chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối tỉnh hướng dẫn thực hiện việc xây dựng nông thôn mới, định hướng quy hoạch tổng thể cho cả giai đoạn và cụ thể từng năm, tạo điều kiện cho xã xác định được tình hình thực tế của địa phương trong việc xây dựng NTM.

- Các địa phương đều có nhận thức tốt về thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM nên công tác phối hợp hỗ trợ và công tác tuyên truyền đạt được kết quả đáng kể theo tiêu chí được phân công.

- Sự chỉ đạo quyết tâm của địa phương nên việc hỗ trợ đầu tư các công trình phục vụ xây dựng NTM được tiến hành nhanh chóng và thuận lợi.

- Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước ban hành phù hợp lòng dân được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng nông thôn mới được quan tâm củng cố, kiện toàn; công tác đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong hỗ trợ các xã xây dựng NTM vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định như:

- Thực hiện tiêu chí 17 về môi trường, một số địa phương mặc dù có quan tâm nhưng còn trông chờ vào sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn, chưa chủ động trong việc thực hiện tiêu chí.

- Sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền, phát động chưa đồng bộ nên hiệu quả tuyên truyền chưa cao.

- Một số cán bộ và thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, Ban phát triển ấp trong thực hiện nhiệm vụ phân công còn thiếu tính chủ động để xuất giải pháp thực hiện xây dựng NTM.

- Công tác tuyên truyền vận động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội - môi trường còn hạn chế như: vận động nhân dân thực hiện 8 tiêu chuẩn hộ gia đình NTM, xây dựng hố xí hợp vệ sinh, cảnh quan môi trường,... nên việc nhận thức về xã NTM còn nhiều hạn chế.

- Việc sản xuất tự phát ngoài quy hoạch trong nhân dân còn xảy ra, tình hình nhân dân sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản mang tính tự phát, thiếu ý thức BVMT, phương pháp khai thác tiềm năng của xã chưa được quy hoạch đúng mức.

- Một số nội dung trong tiêu chí 17 thường gắn

liên với các công trình (đầu tư bãi rác, cải thiện ô nhiễm môi trường kênh, mương, xử lý nước thải khu dân cư,...) nên cần phải có kinh phí để thực hiện, trong khi nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không đủ để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các địa phương nên vấn đề này còn gặp rất nhiều khó khăn.

- Trong tiêu chí 17 có một số nội dung không thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành của Sở Tài nguyên và Môi trường mà thuộc các Sở khác quản lý (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Y tế,...) như: Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch; Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; quy hoạch nghĩa trang, xây dựng nghĩa trang liên xã,...

- Các đồng chí trong Ban chỉ đạo, Ban quản lý đều là kiêm nhiệm, do chi phối công việc chuyên môn nên từng lúc hoàn thành nhiệm vụ kiêm nhiệm có phần hạn chế.

Kế hoạch hỗ trợ thực hiện thời gian tới:

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ các xã xây dựng NTM đối với tiêu chí ngành phụ trách. Tiếp tục triển khai Kế hoạch hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2020 và hỗ trợ huyện Càng Long thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới năm 2020.

- Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở tiếp tục thực hiện hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Phối hợp các ngành chức năng tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ, cải thiện cảnh quan, môi trường nơi sinh sống, sản xuất và duy trì việc thu gom rác thải, xử lý rác thải, nước thải từ hộ gia đình; mô hình xã, ấp xanh - sạch - đẹp.

- Hỗ trợ các xã xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh tiến hành khảo sát vị trí xây dựng bãi rác và nghĩa trang nhân dân đối với các xã chưa đáp ứng tiêu chí 17 về môi trường.

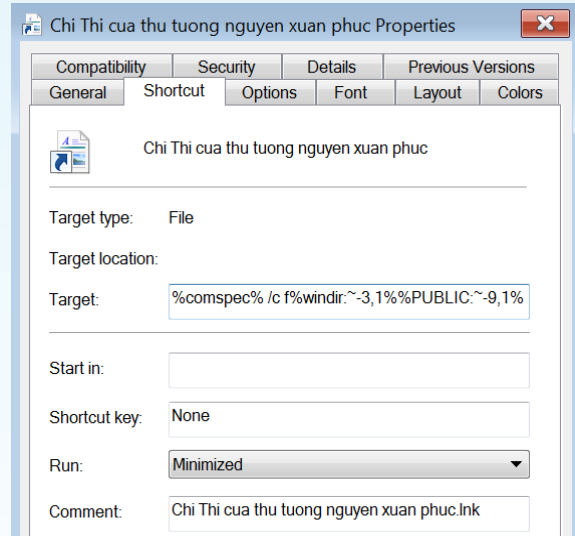
- Tiếp tục hỗ trợ Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện các thủ tục về môi trường đúng theo quy định của pháp luật về BVMT.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới giữ vững tiêu chí số 17 về môi trường và ATTP./.

Cảnh báo về chiến dịch tấn công mạng lợi dụng dịch bệnh COVID-19

■ Nguyễn Văn Tý An ¹



Thuộc tính tập tin mã độc phát tán qua email

Thời gian gần đây, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 đang có diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia, một số nhóm tin tặc đã lợi dụng để phát động, tiến hành chiến dịch tấn công mạng có chủ đích vào các cơ quan, tổ chức trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Qua công tác bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, cơ quan chức năng đã phát hiện chiến dịch tấn công mạng, phát tán mã độc thông qua thư điện tử (Email) sử dụng các thông tin liên quan đến dịch bệnh COVID-19 để thu hút sự chú ý của người dùng.

Cụ thể, trong thời gian qua, tin tặc đã phát tán mã độc qua thư điện tử có đính kèm tập tin word có tiêu đề "Chi Thi cua Thu tuong nguyen xuan phuc.Ink" giả dạng thông báo của Thủ tướng Chính phủ về dịch COVID-19.

Tập tin có dạng shortcut với phần mở rộng là ".lnk" được ngụy trang dưới biểu tượng tập tin văn bản nhằm đánh lừa người dùng. Nếu người dùng tải tập tin đính kèm về và mở trên máy tính (mã độc này chỉ hoạt động trên hệ điều hành

Windows), mã độc sẽ được kích hoạt, cài đặt vào máy tính, kết nối đến máy chủ điều khiển để tải các đoạn mã độc khác và nhận lệnh điều khiển của tin tặc, đồng thời, mở tập tin văn bản để đánh lừa người dùng. Khi đó, tin tặc có thể thực hiện nhiều lệnh thực thi khác nhau, như đánh cắp dữ liệu, thông tin máy tính, sử dụng để tiếp tục phát tán sang máy tính khác..

Để phòng, chống không bị tin tặc tấn công, người sử dụng Internet cần:

- Nâng cao cảnh giác khi truy cập Internet như không truy cập vào những liên kết lạ, không tải và mở về các tập tin không rõ nguồn gốc.

- Người dùng cần cài đặt các phần mềm diệt virus có bản quyền và thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu, bản vá bảo mật cho hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng.

- Trong trường hợp đã mở tệp tin đính kèm, cần ngắt kết nối Internet và liên hệ với bộ phận quản trị hoặc cán bộ kỹ thuật để khắc phục, xử lý.

(Nguồn: Cổng TTĐT Bộ Công an.)

TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2020/NĐ-CP: ... Tiếp theo trang 24

định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, cán bộ, công chức, viên chức thông báo cho tổ chức, cá nhân biết thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, các kênh thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể một lần để công dân, tổ chức bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.

Cán bộ, công chức, viên chức thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn 8 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.

Những thông tin, thành phần hồ sơ nêu trên sau khi được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và ghi nhận tính chính xác, nếu được tổ chức, cá nhân đồng ý sẽ được lưu giữ tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 22/5/2020.

TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2020/NĐ-CP: TỐI ĐA HÓA THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

■ Nguyễn Vũ Sơn ¹

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, trong đó nêu rõ: Tối đa hóa các bước thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền.

Thủ tục hành chính điện tử giá trị pháp lý như các hình thức khác

Nghị định nêu rõ, việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý như các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện hợp pháp, hợp lý, khoa học; bảo đảm sự bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch, an toàn thông tin và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử phải lấy tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử làm trung tâm, bảo đảm ngôn ngữ, phương thức thực hiện đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ. Tối đa hóa các bước thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền.

Việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử không làm tăng phí, lệ phí ngoài quy định của pháp luật.

Phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan đến thực hiện giao dịch điện tử mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

Hành vi không được làm

Nghị định nêu rõ những hành vi không được làm của cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử gồm:

1- Cản trở việc lựa chọn phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của tổ chức, cá nhân;

2- Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp giấy tờ, tài liệu bằng văn bản giấy để xác minh, kiểm tra đối với các thành phần hồ sơ đã được ký số và ghi nhận tính pháp lý trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính;

3- Can thiệp trái phép vào quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, bao gồm: truyền, thu thập, xử lý, gửi hoặc thông báo kết quả xử lý hồ sơ, giao dịch thanh toán; can thiệp trái phép, làm sai lệch dữ liệu hồ sơ, giao dịch thanh toán, kết quả xử lý thủ tục hành chính; tiết lộ thông tin, sao chép dữ liệu trái thẩm quyền;

4- Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt, sử dụng trái phép danh tính điện tử của tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền;

5- Các hành vi bị cấm khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên môi trường điện tử.

Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính điện tử

Nghị định nêu rõ, Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra tự động về mặt kỹ thuật. Nếu hồ sơ đã đủ các thành phần và bảo đảm về mặt kỹ thuật thì phản hồi tự động xác nhận tổ chức, cá nhân đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ.

Cán bộ, công chức, viên chức đăng nhập Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và kiểm tra hồ sơ điện tử tổ chức, cá nhân gửi đến. Nội dung kiểm tra hồ sơ bao gồm: 1- Kiểm tra tính chính xác của thông tin tại mẫu đơn, tờ khai thông qua việc khai thác thông tin, dữ liệu tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin cho Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh; 2- Kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, tính hợp lệ, chính xác, nguyên vẹn đối với các thành phần hồ sơ được đăng tải, dẫn nguồn, các thành phần hồ sơ theo yêu cầu chứng thực điện tử; việc kiểm tra chữ ký số được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận, cấp mã hồ sơ thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ theo quy trình quy định tại Chương III Nghị

1 - Đơn vị Trung tâm công nghệ thông tin TN&MT